

Bản án số: 198/2024/DS-PT

Ngày: 19-3-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu

Bà Phạm Thị Kim

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/DS-PT ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2018/2024/QĐ-PT ngày 21/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Huy H, sinh năm 1996 (Giấy ủy quyền số 234/NHNoCN7-TH ngày 18/4/2023 của Ngân hàng N – Chi nhánh G).

Địa chỉ: 4 N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: A H, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 333/13/2 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đỗ Hải B, sinh năm 1974; (Giấy ủy quyền số công chứng 009751, quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/8/2023 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh)

Địa chỉ: A ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: số C đường Đ, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ

Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2022 của nguyên đơn Ngân hàng N và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Huy H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/07/2009, ông Ngô Văn P có ký với Ngân hàng N (sau đây viết tắt là A) - Chi nhánh 7 Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (M). Hạn mức tín dụng thẻ cấp cho ông Ngô Văn P sử dụng là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) đồng; hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản bảo đảm; thời hạn sử dụng thẻ là 02 năm kể từ ngày phát hành.

Ngày 13/05/2010, ông Ngô Văn P có ký với A - Chi nhánh 7 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (V). Hạn mức tín dụng thẻ cấp cho ông Ngô Văn P sử dụng là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng); hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản bảo đảm; thời hạn sử dụng thẻ là 02 năm kể từ ngày phát hành.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng quốc tế Master card và thẻ tín dụng quốc tế Visa, ông Ngô Văn P đã thực hiện các giao dịch thanh toán cụ thể: Thẻ Master card, ông Ngô Văn P đã sử dụng tổng số tiền là 1.574.046.947 đồng. Thẻ Visa, ông Ngô Văn P đã sử dụng tổng số tiền là 290.316.736 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do ông Ngô Văn P chỉ trả nợ thẻ tín dụng quốc tế Master card được số tiền là 1.112.841.676 đồng (trong đó trả nợ gốc là 1.050.103.266 đồng, trả nợ lãi, phí là 62.738.410 đồng). Riêng thẻ tín dụng quốc tế Visa thì ông Ngô Văn P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ Master card ngày 05/8/2010 và chấm dứt quyền sử dụng thẻ Visa ngày 05/9/2010. A đã nhiều lần có thông báo đôn đốc và làm việc trực tiếp với ông Ngô Văn P để yêu cầu trả nợ, nhưng không kết quả.

Do ông Ngô Văn P vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của hai thẻ tín dụng nêu trên, nên A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn P phải thanh toán cho A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí của hai thẻ tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 4.102.641.441 đồng (trong đó nợ gốc: 814.260.417 đồng; lãi trong hạn: 376.881.931 đồng; lãi quá hạn 2.895.462.540 đồng, phí: 16.036.553 đồng). Cụ thể:

Đối với thẻ Master card, tạm tính đến ngày 29/9/2023 ông P còn nợ A tổng số tiền là 2.501.122.143 đồng (gồm nợ gốc là 523.943.681 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 30/7/2011 là 180.880.173 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 31/7/2011 đến ngày 29/9/2023 là 1.785.191.555 đồng, nợ phí rút tiền từ ngày 07/5/2010 đến ngày 25/5/2010 là 7.872.445 đồng, nợ phí chậm trả tính đến ngày 20/7/2010 là 3.234.289 đồng). Trong nợ gốc, số tiền nợ gốc vượt quá hạn mức tín dụng là 23.943.681 đồng (do tại thời điểm giao dịch hệ thống ghi nợ thẻ bị lỗi).

Đối với thẻ Visa, tạm tính đến ngày 29/9/2023 ông P còn nợ A tổng số tiền là 1.601.519.298 đồng (gồm nợ gốc là 290.316.736 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 13/5/2012 là 196.001.758 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày từ ngày 14/5/2012 đến ngày 29/9/2023 là 382.644.451 đồng, nợ phí 4.929.819 đồng). Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông Ngô Văn P còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hai Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nêu trên cho đến khi thanh toán đủ toàn bộ dư nợ gốc.

Đối với bị đơn là ông Ngô Văn P: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông P thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A; giấy triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2), nhưng ông P vẫn không có mặt theo giấy triệu tập, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và ông P cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A.

Sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 22/8/2023 ông Ngô Văn P ủy quyền cho ông Đỗ Hải B tham gia tố tụng tại Tòa án và ông B có yêu cầu Luật sư Phạm Thị My L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Văn P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N.

Buộc ông Ngô Văn P phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí tạm tính đến hết ngày 29/9/2023 là 4.102.641.441 (bốn tỷ một trăm lẻ hai triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm bốn mươi một) đồng (trong đó nợ gốc: 814.260.417 đồng, lãi trong hạn: 376.881.931 đồng, lãi quá hạn: 2.895.462.540 đồng, phí rút tiền và phí chậm trả: 16.036.553 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 30/9/2023, ông Ngô Văn P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (M), ký ngày 30/07/2009 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa Card), ký ngày 13/05/2010, giữa Ngân hàng N - Chi nhánh 7 và ông Ngô Văn P cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2023, ông Đỗ Hải B đại diện cho ông Ngô Văn P kháng cáo đồng ý trả nợ gốc là 814.260.417 đồng, lãi trong hạn: 376.881.931 đồng, phí rút tiền và phí chậm trả: 16.036.553 đồng, không đồng ý trả lãi quá hạn 2.895.462.540 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Đỗ Hải B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

- Đại diện Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Ngô Văn P, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Hải B và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị My L được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (M), ký ngày 30/07/2009 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa Card), ký ngày 13/05/2010, giữa A - Chi nhánh 7 và ông Ngô Văn P1. Căn cứ Biên bản xác định nợ (theo Biên bản làm việc ngày 15/3/2022, giữa A - Chi nhánh 7 và ông Ngô Văn P), ông P xác định “*Đang nợ tại Ngân hàng 2.876.810.621 đồng, đề nghị Ngân hàng xem xét cho thêm thời gian tìm nguồn thu nhập để trả nợ và miễn, giảm lãi để tạo điều kiện trả nợ cho Ngân hàng*”.

Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông Ngô Văn P có đăng ký, sử dụng thẻ Master card và thẻ Visa tại A để thực hiện các giao dịch và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Căn cứ Bảng tổng hợp dư nợ, lãi, phí (khách hàng Ngô Văn P) ngày 29/9/2023 của A xác định ông Ngô Văn P đã thực hiện các giao dịch với tổng

số tiền là 1.864.363.683 đồng (trong đó thẻ Master card giao dịch tổng số tiền là 1.574.046.947 đồng và thẻ Visa card giao dịch tổng số tiền là 290.316.736 đồng), đã thanh toán cho A số tiền là 1.112.841.676 đồng của thẻ Master card (trong đó trả nợ gốc là 1.050.103.266 đồng, trả nợ lãi, phí là 62.738.410 đồng). Tính đến ngày 29/9/2023, ông Ngô Văn P còn nợ A tổng số tiền là 4.102.641.441 đồng (trong đó nợ gốc: 814.260.417 đồng; lãi trong hạn: 376.881.931 đồng; lãi quá hạn: 2.895.462.540 đồng, phí: 16.036.553 đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ngô Văn P thanh toán tổng số tiền là 4.102.641.441 đồng (trong đó nợ gốc: 814.260.417 đồng; lãi trong hạn: 376.881.931 đồng; lãi quá hạn: 2.895.462.540 đồng, phí: 16.036.553 đồng) là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Hải B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về thời gian thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 6 của Luật Thi hành án dân sự quy định *“Đương sự có quyền thoả thuận về việc thi hành án, nếu thoả thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Kết quả thi hành án theo thoả thuận được công nhận”*. Tòa án không có thẩm quyền ấn định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền là không phù hợp nên cần điều chỉnh.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Ngô Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N.

Buộc ông Ngô Văn P phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc, nợ

lãi và phí tạm tính đến hết ngày 29/9/2023 là 4.102.641.441 (bốn tỷ một trăm lẻ hai triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm bốn mươi một) đồng (trong đó nợ gốc: 814.260.417 đồng, lãi trong hạn: 376.881.931 đồng, lãi quá hạn: 2.895.462.540 đồng, phí rút tiền và phí chậm trả: 16.036.553 đồng).

Kể từ ngày 30/9/2023, ông Ngô Văn P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (M), ký ngày 30/07/2009 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa Card), ký ngày 13/05/2010, giữa Ngân hàng N - Chi nhánh 7 và ông Ngô Văn P cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Ông Ngô Văn P chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 112.102.641 (một trăm mười hai triệu một trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bốn mươi một) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.730.726 (năm mươi ba triệu bảy trăm ba mươi ngàn bảy trăm hai mươi sáu) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015197 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Ngô Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0037368 ngày 18/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, ông P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Uông Văn Tuấn